

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 172/2019/DS-PT

Ngày 30- 9- 2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản và Hợp đồng hợp tác ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Huyền Trân.

Ông Nguyễn Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 163/2019/TLPT- DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng hợp tác”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2019/QĐPT - DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1962 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Thuận, xã Nh M, huyện CM, tỉnh AG

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Phước là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Ngọc Phước thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Hồ Thị Kim X, sinh năm 1958 (Có mặt).

2.2 Ông Lâm Tét L, sinh năm 1955 (Xin vắng mặt).

2.3 Bà Lâm Hồ Diệu H, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Số 19, tổ 01, ấp Hòa Bình, xã K A, huyện CM, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lê Thị Như Ng, sinh năm 1995 (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Thuận, xã Nh M, Huyện CM, tỉnh AG.

3.2 Ông Lâm Hồ Minh Th1, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 19, tổ 01, ấp Hòa Bình, xã K A, Huyện CM, tỉnh AG.

4. Người kháng cáo: Bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lê Thị Th trình bày: Do chỗ quen biết với nhau nên bà có cho bà Hồ Thị Kim X vay tiền nhiều lần như sau:

Lần 1: Ngày 19/6/2014 bà X vay số tiền 100.000.000đ, mục đích vay làm vốn kinh doanh cơ sở may mặc, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Khi vay không làm biên nhận vay tiền mà làm hợp đồng góp vốn. Bà X có đưa cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03158aB ngày 28/3/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông L và bà X để làm tin.

Lần 2: Ngày 19/8/2014 bà X vay số tiền 50.000.000đ, mục đích vay làm vốn kinh doanh cơ sở may mặc, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Khi vay có làm biên nhận và bà X có đưa cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.05074aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Lâm Hồ Minh Th1 để làm tin.

Lần 3: Ngày 19/9/2014 bà X vay số tiền 90.000.000đ, mục đích vay làm vốn kinh doanh cơ sở may mặc, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, khi vay có làm biên nhận.

Hàng tháng bà X có đóng lãi đầy đủ đến ngày 19/6/2017 thì ngưng, tổng số tiền lãi bà đã nhận là 124.600.000đ. Bà X có trả vốn gốc 02 lần tổng cộng 50.000.000đ (lần 1: 40.000.000đ, lần 2: 10.000.000đ).

Đến ngày 18/3/2018 chồng bà X là ông Lâm Tét L ghi giấy thỏa thuận với nội dung bà X nợ bà số tiền 190.000.000đ và có giao cho bà 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.05074aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Lâm Hồ Minh Th1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03158aB ngày 28/3/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Lâm Tét L, bà Hồ Thị Kim X để làm tin và từ đó đến nay bà X, ông L không trả vốn và đóng lãi cho bà, mặc dù bà có yêu cầu bà X, ông L trả tiền nhiều lần nhưng ông, bà vẫn không thực hiện. Bà X vay tiền cho con gái là Lâm Hồ Diệu H để cùng làm vốn kinh doanh và ông L làm giấy xác nhận vào ngày 18/3/2018.

Bà yêu cầu bà X, ông L và bà H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn là 190.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 19/6/2017 đến ngày xét xử là 230.350.000đ. Bà đồng ý trả lại cho ông Th1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.05074aB ngày 09/7/2009 cấp cho ông Th1 và trả cho bà X, ông L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03158aB ngày 28/3/2007 cấp cho ông L, bà X. Tại phiên tòa, bà Th rút yêu cầu bà X, ông L trả số tiền lãi 230.350.000đ.

Bị đơn bà Hồ Thị Kim X trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau nên giữa bà với bà Lê Thị Th có thỏa thuận làm hợp đồng cổ đông với nhau, vì bà có cơ sở may mặc Bích Duyên. Theo đó, bà Th góp vốn vào ngày 19/6/2014 với số tiền 100.000.000đ và ngày 19/9/2014 với số tiền 90.000.000đ. Khi làm hợp đồng cổ đông, giữa bà với bà Th thỏa thuận mỗi tháng bà sẽ chia lợi nhuận cho bà Th 4.000.000đ/190.000.000đ, khi đó việc kinh doanh có lời nên giữa bà và bà Th không thỏa thuận trường hợp cơ sở bị lỗ thì trách nhiệm của bà Th như thế nào đối với cơ sở. Bà có chia lợi nhuận cho bà Th mỗi tháng là 4.000.000đ từ ngày bà Th góp vốn vào cơ sở may mặc nhưng bà không xác định được bà đã đưa cho bà Th bao nhiêu tiền lợi nhuận và không nhớ được đã chia lợi nhuận đến thời điểm nào thì ngưng. Sau khi cơ sở bị lỗ, ngừng hoạt động bà Th có đến nhà bà nhiều lần để yêu cầu trả số tiền 190.000.000đ nhưng bà không có tiền trả nên giữa vợ chồng bà và bà Th có ngồi lại thương lượng với nhau và chồng bà có viết Tờ thỏa thuận ngày 18/3/2018 xác nhận còn nợ bà Th số tiền 190.000.000đ, bà và bà Th có ký tên vào tờ thỏa thuận này, bà có gởi cho bà Th 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) để làm tin. Bà xác định Tờ thỏa thuận ngày 18/3/2018 do bà Th cung cấp nộp cho Tòa án là do chồng bà viết và bà có ký tên vào tờ thỏa thuận này. Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà Th về việc trả số tiền 190.000.000đ và tính lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 19/6/2017 đến ngày xét xử. Bà X có yêu cầu phản tố yêu cầu bà Thủy cùng phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 190.000.000đ (bà dựa theo nguyên tắc đã hùn vốn làm ăn có lãi thì chia lợi nhuận, còn bị thua lỗ phải cùng chịu trách nhiệm, bà X không cung cấp tài liệu hay giấy tờ chứng minh cho việc trình bày về nguyên tắc chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm này). Ngoài ra, vào ngày 19/8/2014, bà có vay của bà Th số tiền 50.000.000đ, lãi suất 2%/tháng và số tiền này hiện nay bà đã trả xong cho bà Th, bà đã đóng lãi cho bà Th từ trước đến nay nhưng bà không nhớ là đã đóng được bao nhiêu tiền.

Tại phiên tòa, bà X thống nhất với ý kiến của bà Th về số tiền lợi nhuận bà X trả và bà Thủy đã nhận đến tháng 6/2017 là 124.600.000đ. Do là tiền lợi nhuận nên bà X không yêu cầu điều chỉnh.

Bị đơn là bà Lâm Hồ Diệu H, ông Lâm Tét Lễn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Như Ng, ông Lâm Hồ Minh Th1 không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th đối với bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th đối với bà Lâm Hồ Diệu H.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị Kim X đối với bà Lê Thị Th.

Buộc bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Th số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th đối với số tiền lãi 230.350.000đ (Hai trăm ba mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Th trả cho ông Lâm Hồ Minh Th1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.05074aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Lâm Hồ Minh Th1 và trả cho bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03158aB ngày 28/3/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Lâm Tét L, bà Hồ Thị Kim X.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L được miễn.

Hoàn lại cho bà Lê Thị Th số tiền tạm ứng án phí 5.758.000đ mà bà đã nộp theo Biên lai thu số 0019807 ngày 20/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 6 năm 2019 bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L nộp Đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS- ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án, xử bác yêu cầu đòi tiền của bà Th khởi kiện vì số tiền 190.000.000đ là tiền hùn vốn kinh doanh cơ sở may mặc Bích Duyên mà không phải tiền vay, bà Th đã được chia lời từ năm 2014 đến năm 2017, nay cơ sở bị lỗ lớn nên các cổ đông phải cùng chịu trách nhiệm.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo ngày 24/6/2019 của bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L. Giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, bị đơn được miễn án phí phúc thẩm do cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Ông Lâm Tét L, bà Lê Thị Như Ng có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ghi ngày 19/9/2019 và ngày 27/9/2019. Bà Lâm Hồ Diệu H và ông Lâm Hồ Minh Th1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS- ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án, xử bác yêu cầu đòi tiền của bà Th khởi kiện vì số tiền 190.000.000đ là tiền hùn vốn kinh doanh cơ sở may mặc Bích Duyên mà không phải tiền vay, bà Th đã được chia lời từ năm 2014 đến năm 2017, nay cơ sở bị lỗ nên các cổ đông phải cùng chịu trách nhiệm.

[3] Xét kháng cáo của bà X và ông L, nhận thấy giữa bà X và bà Th cùng ký kết Tờ hợp đồng cổ đông ngày 19/6/2014 với nội dung bà Th đồng ý hùn cổ đông với bà X số tiền 100.000.000đ, nếu muốn rút vốn cổ đông phải cho hay trước 6 tháng và được chia lợi nhuận mỗi tháng 2.000.000đ. Tại Tờ biên nhận ngày 19/9/2014 bà Thủy giao cho bà X số tiền 90.000.000đ và Biên nhận ngày 19/8/2014 bà Thủy giao cho bà X số tiền 50.000.000đ là tiền vay đã trả xong. Bà X, ông L kháng cáo cho rằng số tiền 190.000.000đ là tiền hùn vốn cổ đông nên không đồng ý trả lại cho bà Th. Xét thấy, tại Tờ hợp đồng cổ đông ngày 19/6/2014 giữa bà Thủy và bà X không thỏa thuận trường hợp bà X (Cơ sở may Bích Duyên) làm ăn thua lỗ thì bà X không phải trả số tiền 100.000.000đ và tại Tờ thỏa thuận ngày 18/3/2018 giữa bà Th và bà X đã thỏa thuận bà X còn nợ bà Th số tiền 190.000.000đ và số tiền lãi chưa đóng. Nay bà X cho rằng đây là tiền hùn vốn nhưng hiện nay cơ sở làm ăn thua lỗ nên không phải trả số tiền 190.000.000đ cho bà Thủy nhưng ngoài lời trình bày ra bà X, ông L không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông bà. Án sơ thẩm đã buộc bà X trả cho bà Th số tiền 190.000.000đ và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà X yêu cầu khấu trừ số tiền 190.000.000đ là có cơ sở căn cứ.

[4] Đối với ông L không trực tiếp vay tiền của bà Th và không ký tên trên các giấy ký nhận nợ nhưng bà Th xác định bà X vay tiền để làm vốn kinh doanh cơ sở may mặc của gia đình, ông L cũng biết và ông L là người viết Tờ thỏa thuận ngày 18/3/2018. Số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà X và ông L (có đăng ký kết hôn) còn tồn tại theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, án sơ thẩm đã buộc ông L và bà X cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền 190.000.000đ là có căn cứ.

[5] Việc bà Th yêu cầu bà H cùng phải có nghĩa vụ liên đới với ông L, bà X trả cho bà số tiền 190.000.000đ. Bà Th xác định giữa bà và bà X là người trực tiếp giao nhận tiền và bà H (con bà X) ký tên vào Tờ hợp đồng cổ đông ngày 19/6/2014 là để có người thừa kế chịu trách nhiệm số tiền này nếu trường hợp bà với bà X chết. Mặt khác, Tờ hợp đồng cổ đông ngày 19/6/2014 không

thể hiện nội dung bà H phải cùng có trách nhiệm với bà X trả nợ cho bà Th. Án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th yêu cầu bà H phải cùng có nghĩa vụ liên đới với bà X, bà L trả số tiền 190.000.000đ nhưng giữa bà Thủy và bà H không kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.05074aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Lâm Hồ Minh Th1 (bản chính) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03158aB ngày 28/3/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Lâm Tét L, bà Hồ Thị Kim X (bản chính), bà Th đồng ý giao trả cho ông Th1 và ông L, bà X nên cần công nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X và ông L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS- ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[7] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà X, ông L không được chấp nhận nhưng ông bà là người cao tuổi nên không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Buộc bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Th số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th yêu cầu bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tét L trả lãi với số tiền 230.350.000đ (Hai trăm ba mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Th trả cho ông Lâm Hồ Minh Th1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.05074aB ngày 09/7/2009 cấp cho ông Lâm Hồ Minh Th1 (bản chính) và trả cho bà Hồ Thị Kim X, ông Lâm Tét L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03158aB ngày 28/3/2007 cấp cho ông Lâm Tét L, bà Hồ Thị Kim X (bản chính).

6. Về án phí:

6.1 Bà Lê Thị Th được nhận lại số tiền 5.758.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0019807 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

6.2 Bà Hồ Thị Kim X và ông Lâm Tết L được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Chợ Mới;
- TAND H.Chợ Mới
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Huyền Trân Nguyễn Văn Thiện

Trần Thị Thúy Hà